**Thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh trong việc giải quyết yêu cầu dẫn độ theo quy định của luật tương trợ tư pháp**

***Qua nghiên cứu về mặt lý luận cũng như thực tiễn việc thực hiện các yêu cầu dẫn độ của Việt Nam, yêu cầu đặt ra là cần lựa chọn cơ quan phù hợp có thẩm quyền quyết định việc dẫn độ. Yêu cầu này cũng được đặt ra để xem xét và cân nhắc khi xây dựng Luật Tương trợ tư pháp và đa số các ý kiến đều cho rằng nên giao thẩm quyền này cho toà án nhân dân cấp tỉnh là phù hợp hơn cả. Trên tinh thần đó, Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 đã được thông qua với nội dung này.***

**1. Khái quát về dẫn độ**

Dẫn độ là hình thức tương trợ tư pháp về hình sự giữa các quốc gia được áp dụng từ rất lâu và dần trở thành biện pháp hữu hiệu để phòng, chống tội phạm. Trong tình hình hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, tội phạm khủng bố quốc tế, tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia có xu hướng gia tăng về mức độ và tính chất nguy hiểm thì yêu cầu dẫn độ giữa các quốc gia ngày càng được tăng cường hợp tác để giải quyết.

Trước đây, khi chưa có Luật Tương trợ tư pháp (Luật TTTP), Việt Nam chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào quy định cụ thể về trình tự, thủ tục và cơ quan có thẩm quyền giải quyết yêu cầu dẫn độ, tuy nhiên, khái niệm về dẫn độ cũng đã được nêu tại một số từ điển pháp luật, từ điển khoa học và một số văn bản quy phạm pháp luật liên quan. Luật Tương trợ tư pháp được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2008. Luật TTTP có phạm vi điều chỉnh khá rộng gồm cả bốn lĩnh vực: tương trợ tư pháp về dân sự, tương trợ tư pháp về hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù. Việc ban hành Luật Tương trợ tư pháp góp phần tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho việc thực hiện các hoạt động tương trợ tư pháp của nước ta hiện nay nói chung, trong đó có việc thực hiện các yêu cầu về dẫn độ nói riêng, đặc biệt là quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của từng cơ quan tham gia vào việc giải quyết các yêu cầu dẫn độ.

**2. Thẩm quyền của toà án nhân dân cấp tỉnh trong việc giải quyết yêu cầu dẫn độ**

Điều 68 Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 quy định rõ trách nhiệm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh trong việc thực hiện tương trợ tư pháp có chức năng, nhiệm vụ bao gồm: thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài theo quy định của Luật TTTP; xem xét, quyết định dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù hoặc từ chối dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù theo quy định của Luật TTTP; tiến hành các hoạt động tương trợ tư pháp khác theo thẩm quyền; báo cáo kết quả thực hiện tương trợ tư pháp cho Tòa án nhân dân tối cao. Như vậy, riêng đối với vấn đề dẫn độ, Luật TTTP quy định rõ tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền trong việc “xem xét, quyết định dẫn độ… từ chối dẫn độ”. Để cụ thể hóa các quy định này, Luật TTTP năm 2007 đã dành hẳn một chương quy định về vấn đề dẫn độ, theo đó, các quy định cụ thể, đặc biệt là thẩm quyền của tòa án nhân dân cấp tỉnh trong việc giải quyết các yêu cầu dẫn độ đã được Luật quy định khá cụ thể, chi tiết. Theo quy định tại Điều 32 của Luật TTTP thì, “Dẫn độ là việc một nước chuyển giao cho nước khác người có hành vi phạm tội hoặc người bị kết án hình sự đang có mặt trên lãnh thổ nước mình để nước được chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành án đối với người đó.” Như vậy, mục đích của việc dẫn độ là truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành án đối với người có hành vi phạm tội hoặc bị kết án hình sự tại một quốc gia A nhưng lại đang có mặt trên một quốc gia B và theo yêu cầu của quốc gia A trên cơ sở căn cứ vào quy định của Hiệp định tương trợ tư pháp giữa hai nước A và B (nếu có) hoặc pháp luật trong nước của quốc gia B có quy định trường hợp đó được phép dẫn độ hoặc trên cơ sở áp dụng nguyên tắc có đi có lại giữa hai quốc gia này thì nước B sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết để dẫn độ người được yêu cầu cho nước A tới địa điểm, thời gian mà hai nước đã thỏa thuận. Để toà án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền có căn cứ khi xem xét và ra quyết định dẫn độ hay từ chối dẫn độ, Luật cũng quy định cụ thể về các trường hợp bị dẫn độ bao gồm: “1. Người có thể bị dẫn độ theo quy định của Luật này là người có hành vi phạm tội mà Bộ luật Hình sự Việt Nam và pháp luật hình sự của nước yêu cầu quy định hình phạt tù có thời hạn từ một năm trở lên, tù chung thân hoặc tử hình hoặc đã bị Tòa án của nước yêu cầu xử phạt tù mà thời hạn chấp hành hình phạt tù còn lại ít nhất sáu tháng. 2. Hành vi phạm tội của người quy định tại khoản 1 Điều này không nhất thiết phải thuộc cùng một nhóm tội hoặc cùng một tội danh, các yếu tố cấu thành tội phạm không nhất thiết phải giống nhau theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật của nước yêu cầu. 3. Trường hợp hành vi phạm tội của người quy định tại khoản 1 Điều này xảy ra ngoài lãnh thổ của nước yêu cầu thì việc dẫn độ người phạm tội có thể được thực hiện nếu theo quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam hành vi đó là hành vi phạm tội.” (Điều 33 Luật TTTP). Như vậy, Luật TTTP năm 2007 căn cứ chủ yếu vào hai yếu tố để dẫn độ một người: thứ nhất, tội danh đó phải được quy định trong Bộ luật Hình sự Việt Nam; thứ hai, hành vi phạm tội đó không nhất thiết phải cùng một nhóm tội hoặc cùng một tội danh và các yếu tố cấu thành tội phạm không nhất thiết phải giống nhau theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước yêu cầu.

Quy định này hoàn toàn phù hợp với quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999, vì Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999 quy định, tội phạm phải được quy định trong Bộ luật Hình sự Việt Nam. Như vậy, căn cứ vào các quy định này, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thể: a) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài dẫn độ cho Việt Nam người có hành vi phạm tội hoặc bị kết án hình sự mà bản án đã có hiệu lực pháp luật để truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành án; b) Thực hiện việc dẫn độ người nước ngoài đang ở trên lãnh thổ Việt Nam có hành vi phạm tội hoặc bị kết án hình sự mà bản án đã có hiệu lực pháp luật cho nước yêu cầu để truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành án. (khoản 2 Điều 32 Luật TTTP). Luật quy định khá rõ, đầy đủ và chi tiết gồm trong cả trường hợp Việt Nam là nước đưa ra yêu cầu dẫn độ đối với nước khác và ngược lại trong trường hợp nếu Việt Nam là nước tiếp nhận và thực hiện yêu cầu dẫn độ của nước khác. Tuy nhiên, chúng ta cũng cần phân biệt giữa trường hợp dẫn độ để thi hành án với trường hợp chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù.

Về hình thức, thì cả hai trường hợp đều có sự giống nhau là để tiếp tục thi hành hình phạt tù, tuy nhiên, việc chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù với mục đích chủ yếu là nhân đạo và thực hiện trên cơ sở sự đồng ý của cả ba phía (người được chuyển giao, nước chuyển giao và nước tiếp nhận). Đối với trường hợp dẫn độ thì khác, mục đích chính ở đây là thực hiện quyền tài phán quốc gia đối với từng loại tội phạm nhất định được quy định trong Luật. Ngoài ra, dẫn độ để thi hành hình phạt tù là để tiếp tục thực hiện bản án mà nước yêu cầu dẫn độ đã tuyên đối với người bị yêu cầu dẫn độ. Còn trong trường hợp chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù là để tiếp tục thi hành phần hình phạt tù còn lại theo bản án của nước mà nơi người đó phạm tội và bị xét xử để tiếp tục thi hành hình phạt tù tại nước mà người đó là công dân hoặc được phép cư trú không thời hạn hoặc có người thân thích. Căn cứ vào các quy định tại Điều 35 của Luật Tương trợ tư pháp thì toà án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền của Việt Nam có quyền từ chối dẫn độ cho nước ngoài khi người được yêu cầu bị dẫn độ thuộc một trong các trường hợp sau: a) Người bị yêu cầu dẫn độ là công dân Việt Nam. b) Theo quy định của pháp luật Việt Nam thì người bị yêu cầu dẫn độ không thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành hình phạt do đã hết thời hiệu hoặc vì những lý do hợp pháp khác; c) Người bị yêu cầu dẫn độ để truy cứu trách nhiệm hình sự đã bị Tòa án của Việt Nam kết tội bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật về hành vi phạm tội được nêu trong yêu cầu dẫn độ hoặc vụ án đã bị đình chỉ theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam; d) Người bị yêu cầu dẫn độ là người đang cư trú ở Việt Nam vì lý do có khả năng bị truy bức ở nước yêu cầu dẫn độ do có sự phân biệt về chủng tộc, tôn giáo, giới tính, quốc tịch, dân tộc, thành phần xã hội hoặc quan điểm chính trị; đ) Trường hợp yêu cầu dẫn độ có liên quan đến nhiều tội danh và mỗi tội danh đều có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật nước yêu cầu dẫn độ nhưng không đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều 33. Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 đã lấy toàn bộ quy định tại Điều 344 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 để quy định làm căn cứ để từ chối dẫn độ. Tuy nhiên, Luật cũng đã quy định thêm căn cứ để từ chối trong trường hợp yêu cầu dẫn độ đến nhiều tội danh quy định tại điểm đ nói trên. Ngoài ra, tại Điều 35 này cũng quy định một số căn cứ để từ chối yêu cầu dẫn độ đối với quốc gia khác như khi có căn cứ cho rằng người bị dẫn độ sẽ bị truy bức tại nước yêu cầu. Đây là quy định hoàn toàn phù hợp với quy định của Công ước chống tra tấn mà Việt Nam đang xem xét để tham gia. Ngoài những trường hợp từ chối dẫn độ theo quy định tại khoản 1 của Điều 35, khoản 2 của Điều này cũng quy định: “cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền của Việt Nam có thể từ chối dẫn độ nếu yêu cầu dẫn độ thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Hành vi mà người bị yêu cầu dẫn độ không phải là tội phạm theo quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam; b) Người bị yêu cầu dẫn độ đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự ở Việt Nam về hành vi phạm tội được nêu trong yêu cầu dẫn độ. Song song với các quy định nêu trên, khoản 2 Điều 35 Luật Tương trợ tư pháp cũng quy định về việc không truy cứu trách nhiệm hình sự, dẫn độ cho nước thứ ba khi: Người bị dẫn độ về Việt Nam không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc dẫn độ cho nước thứ ba về hành vi mà người đó đã thực hiện ở nước ngoài trước khi bị dẫn độ về Việt Nam nhưng không cấu thành tội phạm theo quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam và không được nêu trong yêu cầu dẫn độ của Việt Nam hoặc của nước thứ ba. Trường hợp Việt Nam là nước được yêu cầu dẫn độ thì việc dẫn độ chỉ được thực hiện khi nước yêu cầu dẫn độ cam kết không truy cứu trách nhiệm hình sự người bị dẫn độ về hành vi phạm tội khác ngoài hành vi phạm tội đã được nêu trong yêu cầu dẫn độ, không dẫn độ người đó cho nước thứ ba, trừ trường hợp được sự đồng ý bằng văn bản của Việt Nam. Như vậy, việc từ chối dẫn độ thể hiện sự phân biệt rõ theo hai cấp độ khác nhau:

Một là, các trường hợp bắt buộc phải từ chối dẫn độ được quy định tại khoản 1 Điều 35. Pháp luật của nhiều nước trên thế giới cũng có quy định tương tự nhằm xác lập chủ quyền, bảo vệ sự an toàn pháp lý cho công dân và thực hiện thống nhất các nguyên tắc cơ bản của pháp luật hình sự như nguyên tắc về thời hiệu và nguyên tắc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hai lần về một hành vi phạm tội và nguyên tắc không phân biệt đối xử vì lý do chủng tộc, tôn giáo, quốc tịch, dân tộc, thành phần xã hội hoặc quan điểm chính trị;

Hai là, các trường hợp tuỳ nghi có thể từ chối hoặc thực hiện việc dẫn độ được quy định tại khoản 2 của Điều 35. Có thể nói rằng, đây là quy định “mềm dẻo” nhằm tạo điều kiện để toà án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền thực hiện nguyên tắc “có đi có lại” một cách có lợi cho lợi ích quốc gia. Tuy nhiên, trong trường hợp từ chối dẫn độ thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng của Việt Nam phải thông báo với cơ quan có thẩm quyền nước ngoài đã gửi yêu cầu dẫn độ biết và nêu rõ lý do về việc từ chối dẫn độ.

**3. Trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu dẫn độ của toà án nhân dân cấp tỉnh**

***a. Thụ lý và tiếp nhận yêu cầu dẫn độ***

Theo quy định của Luật Tương trợ tư pháp năm 2007, khi có yêu cầu dẫn độ từ nước ngoài thì trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu dẫn độ và tài liệu kèm theo, Bộ Công an vào sổ hồ sơ dẫn độ và kiểm tra hồ sơ theo quy định tại Điều 36. Căn cứ quan trọng để Bộ Công an xem xét yêu cầu dẫn độ là giữa hai nước phải có điều ước quốc tế song phương về dẫn độ hoặc cả hai nước đều tham gia điều ước quốc tế đa phương về dẫn độ. Bộ Công an có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu dẫn độ cung cấp thông tin bổ sung hồ sơ. Sau sáu mươi ngày, kể từ ngày gửi văn bản yêu cầu bổ sung thông tin mà không nhận được thông tin bổ sung thì Bộ Công an gửi trả hồ sơ cho nước yêu cầu dẫn độ và nêu rõ lý do. Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì Bộ Công an chuyển ngay cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền hai bộ hồ sơ để xem xét, quyết định. Đối với trường hợp yêu cầu dẫn độ của nhiều nước đối với một người, khi Bộ Công an nhận được văn bản của hai hoặc nhiều nước yêu cầu dẫn độ một người về cùng một tội phạm hoặc nhiều tội phạm khác nhau thì Bộ Công an chủ trì phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao xem xét, quyết định đáp ứng yêu cầu dẫn độ cho một trong các nước yêu cầu và chuyển hồ sơ yêu cầu dẫn độ cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định dẫn độ. Khi xem xét yêu cầu dẫn độ trong trường hợp này, thì ngoài các quy định của pháp luật, toà án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền còn phải xem xét các yếu tố liên quan khác như: vấn đề quốc tịch hữu hiệu và nơi thường trú cuối cùng của người bị yêu cầu dẫn độ; tính hợp pháp và mức độ phù hợp của yêu cầu dẫn độ; thời gian và địa điểm thực hiện tội phạm; lợi ích riêng của các nước yêu cầu; mức độ nghiêm trọng của tội phạm; quốc tịch của người bị hại; khả năng dẫn độ tiếp theo giữa các nước yêu cầu dẫn độ; ngày đưa ra yêu cầu dẫn độ và các yếu tố khác có liên quan để cân nhắc, xem xét một cách khách quan và chính xác. Về hồ sơ yêu cầu dẫn độ, Điều 36 và Điều 37 của Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 quy định khá cụ thể và chi tiết về nội dung của hồ sơ cũng như văn bản yêu cầu dẫn độ và các tài liệu kèm theo. Theo quy định này thì Hồ sơ yêu cầu dẫn độ phải bao gồm: văn bản của cơ quan có thẩm quyền yêu cầu dẫn độ; các tài liệu kèm theo và văn bản yêu cầu dẫn độ. Tài liệu kèm theo phải có đầy đủ các nội dung như: ngày, tháng năm và địa điểm lập văn bản; lý do yêu cầu dẫn độ; tên, địa chỉ của cơ quan có thẩm quyền yêu cầu dẫn độ; tên, địa chỉ của cơ quan được yêu cầu dẫn độ; họ, tên, giới tính, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, nơi cư trú và các thông tin cần thiết khác về người bị yêu cầu dẫn độ. Ngoài ra, kèm theo văn bản yêu cầu dẫn độ phải có tài liệu sau đây: a) Tóm tắt nội dung của vụ án; b) Các điều luật cần áp dụng để xác định các yếu tố cấu thành tội phạm và tội danh, quy định về hình phạt, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thời hiệu thi hành hình phạt đối với tội phạm đó; c) Giấy tờ về quốc tịch và nơi cư trú của người bị yêu cầu dẫn độ, nếu có; d) Các tài liệu khác mô tả đặc điểm nhận dạng và ảnh của người bị yêu cầu dẫn độ theo pháp luật và tập quán quốc tế. Trong trường hợp yêu cầu dẫn độ để truy cứu trách nhiệm hình sự thì ngoài các tài liệu quy định nêu trên còn phải kèm theo các tài liệu như: bản sao lệnh bắt hoặc giam giữ của cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu dẫn độ; văn bản xác nhận người bị yêu cầu dẫn độ là người được nêu trong lệnh bắt hoặc giam giữ. Đối với trường hợp yêu cầu dẫn độ để thi hành án thì ngoài các tài liệu quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều 38 còn phải kèm theo các tài liệu như: bản sao bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước yêu cầu dẫn độ; văn bản xác nhận người bị yêu cầu dẫn độ là người đã bị kết án. Hồ sơ yêu cầu dẫn độ được lập thành ba bộ theo quy định của Luật và phải phù hợp với pháp luật của nước được yêu cầu. Căn cứ vào các quy định nêu trên, toà án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền nghiên cứu, xem xét và đối chiếu với quy định của pháp luật để giải quyết và ra các quyết định dẫn độ hoặc từ chối dẫn độ.

***b. Xem xét, giải quyết yêu cầu dẫn độ***

Điều 40 Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 quy định: Trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu dẫn độ do Bộ Công an chuyển đến, tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi người bị yêu cầu dẫn độ đang cư trú, đang bị tạm giam, tạm giữ hoặc chấp hành hình phạt tù phải thụ lý và thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp. Trong thời hạn chuẩn bị xem xét yêu cầu dẫn độ, Tòa án nhân dân cấp tỉnh có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài làm rõ những điểm chưa rõ trong hồ sơ yêu cầu dẫn độ. Văn bản yêu cầu dẫn độ và văn bản trả lời được gửi thông qua Bộ Công an. Luật không quy định toà án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền có quyền trực tiếp gửi yêu cầu đề nghị làm rõ những điểm chưa rõ trong hồ sơ đối với nước yêu cầu dẫn độ mà quy định phải gửi thông qua Bộ Công an là hoàn toàn hợp lý, vì theo quy định của Luật, khi tiếp nhận yêu cầu dẫn độ của nước ngoài thì Bộ Công an là nơi tiếp nhận, chính vì vậy, cơ quan trả kết quả phải chính là cơ quan đã tiếp nhận hồ sơ yêu cầu trước đây là hoàn toàn phù hợp về mặt thủ tục theo quy định của pháp luật Việt Nam cũng như thông lệ quốc tế. Sau khi hồ sơ yêu cầu dẫn độ được coi là hoàn tất, trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày thụ lý, tuỳ từng trường hợp mà Tòa án nhân dân cấp tỉnh ra một trong các quyết định: xem xét yêu cầu dẫn độ khi có đủ các điều kiện theo quy định của Luật hoặc đình chỉ việc xem xét yêu cầu dẫn độ và trả hồ sơ cho Bộ Công an trong trường hợp không thuộc thẩm quyền hoặc bên nước ngoài rút yêu cầu dẫn độ hoặc người bị yêu cầu dẫn độ đã rời khỏi Việt Nam hoặc vì lý do khác mà việc xem xét không thể tiến hành được. Trường hợp nếu tòa án nhân dân cấp tỉnh xem xét yêu cầu dẫn độ thì, trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày ra quyết định theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 40 của Luật Tương trợ tư pháp, phải chuyển ngay một bộ hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp. Việc xem xét yêu cầu dẫn độ được tiến hành tại phiên họp do Hội đồng gồm ba thẩm phán trong đó có một thẩm phán làm chủ tọa và có sự tham gia của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp. Việc xem xét yêu cầu dẫn độ của Hội đồng thẩm phán nói trên được thực hiện trên cơ sở nội dung hồ sơ của nước yêu cầu dẫn độ và ý kiến về cơ sở pháp lý của việc dẫn độ do một thành viên của Hội đồng trình bày; tiếp theo, kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân về việc dẫn độ; kế đến là luật sư hoặc người đại diện hợp pháp của người bị yêu cầu dẫn độ trình bày ý kiến (nếu có), sau cùng là người bị yêu cầu dẫn độ trình bày ý kiến. Căn cứ vào các quy định của Luật TTTP, các quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, Hội đồng thảo luận và quyết định theo đa số việc dẫn độ hoặc từ chối dẫn độ. Như vậy, thủ tục xem xét giải quyết yêu cầu dẫn độ của tòa án nhân dân cấp tỉnh là một thủ tục mới và là một thủ tục đặc biệt được quy định trong Luật Tương trợ tư pháp, không giống với quy định về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hình sự đã được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003. Hội đồng xem xét yêu cầu dẫn độ luôn luôn gồm 3 thẩm phán và không có hội thẩm nhân dân tham gia còn Hội đồng xét xử của tòa án thì tùy từng trường hợp mà số lượng thẩm phán tham gia có thể khác nhau nhưng luôn luôn phải có hội thẩm nhân dân tham gia giải quyết. Sau khi toà án ra quyết định dẫn độ hoặc từ chối dẫn độ thì, chậm nhất là mười ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định, tòa án nhân dân cấp tỉnh đã ra các quyết định đó phải gửi quyết định cho người bị yêu cầu dẫn độ, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Bộ Công an để thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Nếu không đồng ý với các quyết định của toà án, người bị yêu cầu dẫn độ có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn mười lăm ngày, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có quyền kháng nghị trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày Tòa án nhân dân cấp tỉnh ra quyết định. Tòa án nhân dân cấp tỉnh phải gửi hồ sơ và kháng cáo, kháng nghị cho Tòa án nhân dân tối cao trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Khi có kháng cáo, kháng nghị, tòa án nhân dân tối cao phải mở phiên họp xem xét quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh bị kháng cáo, kháng nghị; Hội đồng xem xét phúc thẩm quyết định về việc dẫn độ hoặc từ chối dẫn độ. Trình tự xem xét kháng cáo, kháng nghị đối với quyết định dẫn độ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 40. Việc giải quyết kháng cáo, kháng nghị phải được thực hiện trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày toà án nhân dân tối cao nhận được hồ sơ dẫn độ và kháng cáo, kháng nghị, Để đảm bảo quyết định được thi hành một cách nghiêm túc, theo quy định của Điều 42 Luật Tương trợ tư pháp thì, trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày quyết định của Tòa án nhân dân về dẫn độ có hiệu lực pháp luật, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền ra quyết định thi hành quyết định dẫn độ. Quyết định thi hành quyết định dẫn độ phải được gửi cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Bộ Công an, nước yêu cầu dẫn độ và người bị dẫn độ. Khi nhận được quyết định thi hành quyết định dẫn độ, cơ quan công an có thẩm quyền tiến hành bắt người bị dẫn độ. Việc bắt người bị dẫn độ được thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Bộ Công an có trách nhiệm tổ chức thi hành việc dẫn độ và thông báo bằng văn bản cho nước yêu cầu dẫn độ. Như vậy, theo quy định của Luật TTTP, trước khi có quyết định thi hành quyết định của Toà án nhân dân cùng cấp thì cơ quan công an có thẩm quyền chưa được phép bắt người bị yêu cầu dẫn độ. Tuy nhiên, để đảm bảo việc thực hiện yêu cầu dẫn độ, luật cũng đã quy định cho phép toà án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền được phép áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên để đảm bảo cho việc thực hiện yêu cầu dẫn độ của nước ngoài. Trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp ngăn chặn được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam. Sau khi có quyết định thi hành quyết định dẫn độ thì các công việc còn lại sẽ do cơ quan công an có thẩm quyền thực hiện như áp giải người bị dẫn độ theo thời gian, địa điểm tiếp nhận do Việt Nam và nước yêu cầu dẫn độ thoả thuận trước bằng văn bản. Luật cũng quy định rõ thời gian tiếp nhận người bị dẫn độ không quá mười lăm ngày, kể từ ngày ra quyết định thi hành quyết định dẫn độ có hiệu lực. Trường hợp nếu hết thời hạn do các nước liên quan thoả thuận trước bằng văn bản mà nước yêu cầu dẫn độ không tiếp nhận người bị dẫn độ thì theo kiến nghị của Bộ Công an, toà án nhân dân cấp tỉnh đã ra quyết định dẫn độ huỷ quyết định thi hành quyết định dẫn độ đó và thông báo cho nước yêu cầu dẫn độ biết. Ngoài thẩm quyền ra quyết định dẫn độ, từ chối dẫn độ thì theo quy định của Luật, toà án nhân dân cấp tỉnh cũng có thẩm quyền quyết định hoãn thi hành quyết định dẫn độ, quyết định việc dẫn độ tạm thời hoặc dẫn độ lại theo quy định tại Điều 44 của Luật, cụ thể là: Khi có căn cứ cho thấy rằng người bị yêu cầu dẫn độ đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành hình phạt trên lãnh thổ của Việt Nam về tội không phải là tội bị yêu cầu dẫn độ thì Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã ra quyết định dẫn độ có thể tự mình hoặc theo đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan công an cùng cấp hoãn việc thi hành quyết định dẫn độ người đó cho đến khi kết thúc quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành xong toàn bộ hoặc một phần hình phạt đã tuyên. Bộ Công an thông báo bằng văn bản cho nước yêu cầu dẫn độ về việc hoãn dẫn độ chậm nhất là mười ngày làm việc trước ngày hết thời hạn hoãn việc thi hành quyết định dẫn độ. Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã hoãn việc thi hành quyết định dẫn độ phải ra quyết định thi hành quyết định dẫn độ và gửi ngay quyết định cùng tài liệu, hồ sơ liên quan cho cơ quan công an thi hành quyết định dẫn độ để thông báo cho nước yêu cầu và tiếp tục tiến hành việc dẫn độ theo thoả thuận cụ thể với nước yêu cầu. Trong trường hợp việc hoãn thi hành quyết định dẫn độ quy định tại khoản 1 của Điều 44 mà làm cản trở việc truy cứu trách nhiệm hình sự ở nước ngoài do hết thời hiệu hoặc gây khó khăn nghiêm trọng cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự về tội bị yêu cầu dẫn độ thì theo đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân hoặc cơ quan công an và theo đề nghị của nước yêu cầu dẫn độ, Tòa án nhân dân có thẩm quyền căn cứ vào pháp luật Việt Nam và thoả thuận cụ thể với nước yêu cầu dẫn độ có thể ra quyết định cho dẫn độ tạm thời người bị yêu cầu dẫn độ cho nước yêu cầu dẫn độ theo quy định của Luật TTTP. Người bị dẫn độ tạm thời phải được trả lại ngay cho Việt Nam sau khi quá trình tố tụng hình sự của nước yêu cầu đã kết thúc hoặc hết thời hạn yêu cầu dẫn độ tạm thời mà Việt Nam và nước ngoài đã thoả thuận. Khi có yêu cầu dẫn độ mới của nước yêu cầu, Tòa án Việt Nam xem xét theo quy định của Luật này để thoả thuận về việc dẫn độ mới nếu có lý do chính đáng. Điều 45 Luật Tương trợ tư pháp cũng có quy định, trường hợp người đã bị dẫn độ trốn tránh việc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành hình phạt ở nước ngoài và quay trở lại Việt Nam thì nước yêu cầu dẫn độ có thể đưa ra yêu cầu dẫn độ lại người đó kèm theo các tài liệu quy định tại Điều 36 và Điều 37; trong trường hợp này, Tòa án nhân dân cấp tỉnh không tiến hành lại thủ tục quyết định dẫn độ theo quy định tại Điều 40; Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã quyết định dẫn độ trước đây quyết định dẫn độ lại đối với người đó. Việc áp giải người bị dẫn độ lại được thực hiện theo quy định tại Điều 43.

***c. Thẩm quyền của toà án nhân dân cấp tỉnh về các vấn đề khác có liên quan đến việc giải quyết yêu cầu dẫn độ***

Ngoài ra, khi có yêu cầu của nước yêu cầu dẫn độ đề nghị chuyển giao đồ vật, vật chứng liên quan đến vụ án để làm chứng cứ tại phiên toà thì có thể được toà án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền xem xét chuyển giao cho nước yêu cầu dẫn độ phù hợp với điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước yêu cầu dẫn độ là thành viên trên cơ sở tôn trọng quyền của bên thứ ba./.

Nguồn: <https://moj.gov.vn/tttp/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=29>